

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST
ngày 20/6/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lương Văn Phúc và bà Phan Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: bà Mã Thị Diệu - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 20/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 08/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 588/2024/QĐST-DS ngày 30/5/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Đình D, chức vụ: Giám đốc. Ủy quyền cho ông Tô Việt H, chức vụ: Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng khách hàng tham gia tố tụng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Đồng bị đơn:

- Bà Triệu Thị X - sinh năm 1975

- Anh Bế Văn P - sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Điều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/01/2023 bà Triệu Thị X và anh Bế Văn P (con trai bà X) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q hạn mức cho vay (Số tiền ký kết theo hợp đồng tín dụng): 100.000.000, đồng (Một trăm triệu đồng chẵn). Số tiền nhận nợ theo Giấy nhận nợ ban đầu là: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn) với mục đích mua trâu, cho vay không đảm bảo bằng tài sản, thời hạn 36 tháng, lãi suất tại thời điểm vay

11,5%/năm, phương thức trả nợ gốc 12 tháng 1 kỳ (kỳ 1 ngày 13/01/2024 trả nợ gốc là 20 triệu đồng; kỳ 2 ngày 13/01/2025 trả 25 triệu đồng; kỳ 3 ngày 13/01/2026 trả 25 triệu đồng), phương thức trả lãi 03 tháng 1 kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/01/2024 bà **X** và anh **P** đã trả lãi là 8.234.112 đồng, nhưng chưa trả nợ gốc 20 triệu đồng theo phân kỳ ngày 13/01/2024. Do đó ngày 24/01/2024 Ngân hàng đã mời bà **Triệu Thị X** lên trụ sở Ngân hàng làm việc, tại buổi làm việc bà **X** nêu lý do không trả nợ: Sau 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng mới phải trả tiền gốc đã vay. Chỉ công nhận được vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Mặc dù đã được giải thích và cho xem hồ sơ gốc vay vốn, chứng từ giải ngân, bảng kê nhận tiền vay và chữ ký của khách hàng, nhưng bà **X** vẫn không công nhận số tiền đã vay và bỏ về dẫn tới chưa thống nhất kết luận được sự việc. Ngày 25/01/2024 Ngân hàng tiếp tục mời bà **X** và anh **P** ra trụ sở **UBND xã H** để tiếp tục giải quyết sự việc, nhưng chỉ anh **Bé Văn P** (là con trai bà **X**) có mặt. Tại buổi làm việc anh **P** khẳng định có nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 13/01/2023 và cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trước ngày 15/02/2024. Tuy nhiên tính đến ngày 05/3/2024 (ngày khởi kiện) thì bà **X** và anh **P** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, vi phạm hợp đồng, món vay nợ thuộc nhóm 2.

Do đó **A chi nhánh huyện Q** yêu cầu bà **Triệu Thị X** và anh **Bé Văn P** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/03/2024 là 70.822.739 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc 70.000.000 đồng. Nợ lãi 822.739 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày xét xử theo quy định tại Hợp đồng tín dụng 8309LAV202300025 ngày 13/01/2023.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn **Triệu Thị X** trình bày: Bà và con trai của bà tên là **Bé Văn P** có được ký kết hợp đồng vay tiền với **Ngân hàng N - chi nhánh Q** để mua trâu. Nhưng vay và ký nhận lấy 60.000.000,đ chứ không phải 70.000.000,đ. Chính vì số tiền vay chưa rõ ràng nên bà chưa trả nợ gốc, còn lãi hàng tháng bà vẫn thực hiện theo quy định.

Đối với bị đơn **Bé Văn P**, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không chịu hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên tại biên bản làm việc giữa Ngân hàng với anh **P** tại **Ủy ban nhân dân xã H** ngày 25/01/2024 thể hiện anh **P** đã công nhận được vay 70.000.000,đ chứ không phải 60.000.000,đ như lời bà **X** trình bày.

[3] Phiên tòa ngày 30/5/2024 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn **Triệu Thị X**, **Bé Văn P** vắng mặt không có lý do, cố tình trốn tránh, cho nên phải hoãn phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn **Triệu Thị X**, **Bé Văn P** tiếp tục vắng mặt không có lý do, cố tình trốn tránh không hợp tác giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ của vụ án, nhận thấy bà **X** và anh **P** (con trai bà **X**) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 ngày 13/01/2023 để vay **A chi nhánh huyện Q** 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn) với mục đích mua trâu, cho vay không đảm bảo bằng tài sản, thời hạn 36 tháng, lãi suất tại thời điểm vay 11,5%/năm, phương thức trả nợ gốc 12 tháng 1 kỳ (kỳ 1 ngày 13/01/2024 trả nợ gốc là 20 triệu đồng; kỳ 2 ngày 13/01/2025 trả 25 triệu đồng; kỳ 3 ngày 13/01/2026 trả 25 triệu đồng), phương thức trả lãi 03 tháng 1 kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/01/2024 bà **X** và anh **P** đã trả lãi là 8.234.112 đồng, nhưng chưa trả nợ gốc 20 triệu đồng theo phân kỳ ngày 13/01/2024 với lý do bà **X** chỉ được ký nhận lấy 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng).

Xét thấy hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 được ký kết đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật và lý do bà **X** đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận, vì anh **P1** thừa nhận được vay 70.000.000,đ (Bảy mươi triệu đồng). Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các 280, 357, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn **Triệu Thị X** và **Bé Văn P** phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng số 8309LA202300025 ngày 13/01/2023 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/3/2024 cả gốc và lãi, lãi chậm trả đến ngày 05/3/2024 là 70.822.739 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc 70.000.000 đồng. Nợ lãi 822.739 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán hết nợ, bà **Triệu Thị X** và anh **Bé Văn P** phải chịu lãi suất quá hạn theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 ngày 13/01/2023 cho đến khi tất toán khoản vay. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn được trả lại án phí theo quy định. Bị đơn sẽ phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Hợp đồng được ký kết ngày

13/01/2023, vì vậy sẽ áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 13/01/2023 bà **Triệu Thị X** và anh **Bé Văn P** (con trai bà **X**) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 với **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q** vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn) với mục đích mua trâu, cho vay không đảm bảo bằng tài sản, thời hạn 36 tháng, lãi suất tại thời điểm vay 11,5%/năm, phương thức trả nợ gốc 12 tháng 1 kỳ (kỳ 1 ngày 13/01/2024 trả nợ gốc là 20 triệu đồng; kỳ 2 ngày 13/01/2025 trả 25 triệu đồng; kỳ 3 ngày 13/01/2026 trả 25 triệu đồng), phương thức trả lãi 03 tháng 1 kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/01/2024 bà **X** và anh **P** đã trả lãi là 8.234.112 đồng, nhưng chưa trả nợ gốc 20 triệu đồng theo phân kỳ ngày 13/01/2024, nên đã vi phạm hợp đồng, món vay nợ thuộc nhóm 2.

Nay **A chi nhánh huyện Q** yêu cầu bà **Triệu Thị X** và anh **Bé Văn P** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/03/2024 là 70.822.739 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc 70.000.000 đồng. Nợ lãi 822.739 đồng và tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày xét xử theo quy định tại Hợp đồng tín dụng 8309LAV202300025 ngày 13/01/2023.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, vì: Hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 ngày 13/01/2023 được các bên ký kết đã tuân theo trình tự thủ tục của pháp luật và được anh **Bé Văn P** thừa nhận được vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 13/01/2023 phù hợp với hồ sơ gốc vay vốn, chứng từ giải ngân, bảng kê nhận tiền vay và chữ ký của khách hàng **Triệu Thị X, Bé Văn P** do Ngân hàng cung cấp. Về lý do không trả nợ của bà **Triệu Thị X** là không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà **Triệu Thị X** và anh **Bé Văn P** (con của bà **X**) phải có trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q** số tiền là 70.822.739 đồng (B mươi triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 05/3/2024 là 822.739 đồng theo hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 ngày 13/01/2023 đã ký kết với Ngân hàng.

Trong thời gian chưa thanh toán hết nợ, bà **Triệu Thị X** và anh **Bé Văn P** phải chịu lãi suất quá hạn theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng số 8309LAV202300025 ngày 13/01/2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

[2] Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.540.000,đ (Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0002335 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa.

Bị đơn **Triệu Thị X** và **Bé Văn P** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.541.136,đ (Ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba mươi sáu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh CB;
- VKSND tỉnh CB;
- VKSND huyện QH;
- Chi Cục THADS huyện QH;
- UBND xã Hồng Quang;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nông Thanh Điệp